TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 20-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 198/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1955; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979; Có mặt

2.2. Bà Lê Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Có mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Ngày 23 tháng 02 năm 2022 (âm lịch), bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D đến nhà bà hỏi mượn đỡ số tiền 15.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, bà đồng ý cho mượn, thời hạn trả tiền là 05 ngày, không có tính lãi và cũng không có làm biên nhận. Ngày 03 tháng 4 năm 2022 (âm lịch), bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D đến nhà bà hỏi mượn thêm 03 chỉ vàng 10 tuổi, để đáo nợ Ngân hàng, bà đồng ý cho mượn, thời hạn trả tiền là khi thu hoạch xong vụ lúa (khoảng 01 đến 02 tháng), không có tính lãi và cũng không có làm biên nhận. Ngày 13 tháng 4 năm 2022 (âm lịch), bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D đến nhà bà hỏi mượn thêm 04 chỉ vàng 24kra $9^{T}8$, mượn đỡ đến thu hoạch lúa (còn khoảng 15 ngày) sẽ trả cho bà, thấy vậy bà đồng ý cho mượn, không có tính lãi và cũng không có làm biên nhận. Tổng cộng bà cho bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D mượn số tiền 15.000.000 đồng và 07 chỉ vàng (gồm 03 chỉ vàng 24kra 10^{T}, 04 chỉ vàng 24kra $9^{T}8$). Đến thời hạn bà đến nhà bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D yêu cầu trả tiền và vàng, ông D và bà H không chịu trả và thách bà đi thưa. Hoàn cảnh gia đình bà khó khăn về kinh tế, chồng bà bị bệnh không tiền điều trị. Việc bà cho bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn D mượn vàng thì bà có ghi âm nội dung. Nay bà yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền mượn còn nợ là 15.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24kra (gồm 03 chỉ vàng 10^{T}, 04 chỉ vàng $9^{T}8$), không yêu cầu tính lãi.

* *Bị đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:* Ông và vợ ông là bà Lê Thị H có vay của bà Lê Thị L số tiền 15.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng cách đây khoảng 02 năm, vay 02 lần, một lần 10.000.000 đồng, một lần 5.000.000 đồng. Khi vay không có làm giấy tờ gì hết, mục đích vay để làm ăn, mua bán. Giữa ông với bà L không có bà con, chỉ do quen biết. Lúc nhận tiền là do vợ ông trực tiếp nhận, khi vay thỏa thuận lãi, tuy vay 02 lần nhưng do thời gian gần nhau nên gộp chung mỗi tháng đóng lời 750.000 đồng, không có hẹn ngày trả, chỉ đóng lời hàng tháng, việc đóng lời cũng không có làm biên nhận mà chỉ do tự vợ ông ghi vào cuốn tập để nhớ. Từ lúc vay có đóng lãi đầy đủ, nhưng khoảng 07, 08 tháng nay thì do làm ăn không được nên không đóng nữa. Còn vàng thì vợ chồng ông không có vay của

bà L. Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 15.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng.

* *Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và chồng bà là ông Huỳnh Văn D có vay của bà Lê Thị L số tiền 15.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng cách đây khoảng 02 năm, vay 02 lần, một lần 10.000.000 đồng, một lần 5.000.000 đồng. Khi vay không có làm giấy tờ gì hết, mục đích vay để làm ăn, mua bán. Giữa bà với bà L không có bà con, chỉ do quen biết. Lúc nhận tiền là do bà trực tiếp nhận, khi vay thỏa thuận lãi, tuy vay 02 lần nhưng do thời gian gần nhau nên gộp chung mỗi tháng đóng lời 750.000 đồng, không có hẹn ngày trả, chỉ đóng lời hàng tháng, việc đóng lời cũng không có làm biên nhận mà chỉ do tự bà ghi vào cuốn tập để nhớ. Từ lúc vay có đóng lãi đầy đủ, nhưng khoảng 07, 08 tháng nay thì do làm ăn không được nên không đóng nữa. Còn vàng thì vợ chồng bà không có vay của bà L. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 15.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng. Tòa án đã cho bà nghe đoạn hội thoại do bà L cung cấp trong USB, bà thừa nhận là giọng của bà và bà L đang nói chuyện, nhưng chỉ do bà L hỏi này kia thì bà trả lời, chứ bà không có nhận vàng của bà L hoặc đi bán vàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L; Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H trả cho bà Lê Thị L số tiền vay còn nợ 15.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24kra, trong đó: 03 chỉ vàng 24kra 10^{T} và 04 chỉ vàng 24kra $9^{T}8$, không tính lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:* Bà Lê Thị L khởi kiện ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H trả số tiền và vàng đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, các bị đơn ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H đang cư trú tại xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp,

vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu trả lại số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua sự thừa nhận của ông Huỳnh Văn D, bà Lê Thị H là có vay và đến nay chưa trả số tiền này cho bà Lê Thị L. Đối với việc ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H chỉ đồng ý trả trả dần hàng tháng là 500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thanh toán số nợ 15.000.000 đồng là nghĩa vụ bắt buộc của ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H theo Điều 466 Bộ luật Dân sự; mặt khác, giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn D, bà Lê Thị H không có sự thỏa thuận về phương thức thanh toán đối với số nợ này, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số 07 chỉ vàng 24kra (gồm 03 chỉ vàng 10^{T}, 04 chỉ vàng $9^{T}8$): Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thị L cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm dài 06 phút 22 giây trong USB màu bạc, hiệu DTSE9, 16GB. Trong đoạn ghi âm là cuộc đối thoại giữa 02 người phụ nữ. Theo lời trình bày của bà L là giọng nói của bị đơn bà Lê Thị H, người còn lại là nguyên đơn bà Lê Thị L. Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 12 năm 2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà H thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm chính là bà và bà L. Đoạn ghi âm bà L nói "Hồi đó mượn vàng thì tính vàng chứ tính tiền kỳ vậy em?". Lúc này, bị đơn bà H cười và đáp "Có gì đâu, chị em mà". Bà L nói tiếp "Mình cho em nó mượn có 07 chỉ vàng đúng không cưng?" thì bà H cười nói "Sao cũng được". Bà L nói "Mình cho em nó mượn có năm mươi mấy triệu chứ nhiêu, đúng không cưng?" Bà H trả lời "Dạ". Khi bà L nói có cho em mượn có 07 chỉ và 15.000.000 đồng thì bà H không trả lời. Khi bà L hỏi "Khi chị đưa sợi dây tay 04 chỉ cưng bán tiệm vàng nào, cân 04 chỉ luôn hả?" thì bà H trả lời "không, nó dát một chút rồi trừ ra năm bảy chục ngàn, mình đeo lâu nó mòn".

Như vậy, qua cuộc đối thoại trong đoạn ghi âm thì khi bà L nói cho em mượn 07 chỉ vàng đúng không cưng thì bà H lúc trả lời sao cũng được, khi thì im lặng. Lẽ thường nếu bà H không mượn vàng thì tại sao không phản kháng ngay lúc đó mà im lặng. Khi bà L nói lúc cho mượn vàng bà đưa cho bà H sợi dây tay

(lắc) 05 chỉ nhưng khi bán thì em cân mấy chỉ thì chị H nói 04 chỉ hơi dát trừ ra năm bảy chục ngàn. Khi bà L nói cho bà H mượn tổng cộng có năm mươi mấy triệu đúng không, thì bà H nói "dà", có nghĩa là mượn 15.000.000 đồng và 07 chỉ vàng (quy đổi ra tiền khoảng 40.000.000 đồng) nên tổng cộng 02 khoản là trên 50.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ chứng minh bà H có vay tiền và vàng của bà L.

[3] Khi vay 15.000.000 đồng ông D, bà H đều thừa nhận vay tiền để làm ăn, mua bán. Giữa ông D và bà H vẫn duy trì mối quan hệ vợ chồng hợp pháp và đây là phần nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, theo khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.", như vậy giữa vợ chồng phải có trách nhiệm đối với nhau. Cho nên ông D và bà H phải có trách nhiệm liên đới trong các giao dịch được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về lãi suất: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H liên đới trách nhiệm chịu án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 15.000.000 đồng + số vàng 03 chỉ vàng 24kra 10^{T} (giá 6.700.000 đồng/chỉ) + 04 chỉ vàng 24kra $9^{T}8$ (giá 6.600.000 đồng/chỉ) = 61.500.000 đồng x 5% = 3.075.000 đồng; bà Lê Thị L được miễn án phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 91, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 19, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H liên đới trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và số vàng 07 chỉ vàng 24kra (gồm 03 chỉ vàng 10^{T} và 04 chỉ vàng $9^{T}8$).

2. Về án phí:

2.1. Ông Huỳnh Văn D và bà Lê Thị H liên đới chịu 3.075.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Lê Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, các bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng